

K, ngày 30 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:67/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (VP Bank).

Địa chỉ trụ sở: số x, phường X, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông N – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông m- Chức danh: Trưởng Phòng xử lý nợ Phản ứng nhanh Khách hàng cá

nhân Miền Bắc - Khối Quản trị rủi ro - Ngân hàng TMCP V, theo văn bản ủy quyền số 62/2023/UQN-CTQT ngày 02/08/2023 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ làm việc của người đại diện theo ủy quyền: Tòa X, phường M, Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Trung U, sinh năm 1998

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 01 ngõ 84 đường Q, Thị trấn E, huyện K, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng cho vay số LN2306239526608 ký ngày 29/06/2023 Kèm Khế ước nhận nợ kí ngày 19/08/2023; Hợp đồng cho vay số LN2306239526775 ký ngày 29/06/2023 Kèm Khế ước nhận nợ kí ngày 29/06/2023; Hợp đồng cho vay số LN2306239526850 ký ngày 29/06/2023; Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử đến ngày 01/07/2028 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP V (V) với bà Nguyễn Thị Bích T là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

2.2. Cách tính lãi trong hạn và lãi quá hạn được quy định trong Hợp đồng cho vay số LN2306239526608 ký ngày 29/06/2023 Kèm Khế ước nhận nợ kí ngày 19/08/2023; Hợp đồng cho vay số LN2306239526775 ký ngày 29/06/2023 Kèm Khế ước nhận nợ kí ngày 29/06/2023; Hợp đồng cho vay số LN2306239526850 ký ngày 29/06/2023; Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử đến ngày 01/07/2028 so với các Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần V là đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên tham gia

giao kết.

2.3. Các bên xác nhận tính đến hết ngày 01/05/2024, bà Nguyễn Thị Bích T còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 10.025.656.328 đồng, trong đó: Nợ gốc theo Hợp đồng cho vay hạn mức: 9.500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn theo Hợp đồng cho vay hạn mức: 322.750.096 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng: 202.906.232 đồng.

2.4. Xác nhận bà Nguyễn Thị Bích T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 01/05/2024 là: 10.025.656.328 đồng, trong đó: Nợ gốc theo Hợp đồng cho vay hạn mức: 9.500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn theo Hợp đồng cho vay hạn mức: 322.750.096 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng: 202.906.232 đồng.

Kể từ ngày 02/05/2024 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ, bà Nguyễn Thị Bích T còn phải chịu các khoản lãi, phạt, phí phát sinh theo mức lãi suất phạt, phí mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN2306239526608 ký ngày 29/06/2023 Kèm Khế ước nhận nợ kí ngày 19/08/2023; Hợp đồng cho vay số LN2306239526775 ký ngày 29/06/2023 Kèm Khế ước nhận nợ kí ngày 29/06/2023; Hợp đồng cho vay số LN2306239526850 ký ngày 29/06/2023; Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử đến ngày 01/07/2028. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng mở thẻ tín dụng nói trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân hàng cho vay.

2.5. Đối với tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa số 96, tờ bản đồ số 43, tại địa chỉ: Xã Lộc Thành,

Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 882692, Sổ vào sổ cấp GCN: CS 10515 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 08/11/2021, Ngày 07/07/2023, tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lâm Đồng – Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, đã đăng ký chuyển nhượng cho Bà Nguyễn Thị Bích T. Bà Nguyễn Thị Bích T đồng ý cho Ngân hàng TMCP V có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V. Sau khi phát mại tài sản để thu hồi nợ mà không đủ trả nợ cho ngân hàng V thì bà T tiếp tục chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng V đến khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo (các) Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng.

2.6. Về án phí:

2.6.1. Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu 118.025.656 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.6.2. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 58.987.000 đồng, ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/23/0004108 đã nộp ngày 07/05/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

2.7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

2.8. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Dương sự;

THẨM PHÁN

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện K
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Viết Tuấn